

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:.....



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Vật lý; Chuyên ngành: Vật lý chất rắn

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Phạm Văn Hải

2. Ngày tháng năm sinh: 09/09/1981; Nam ☒; Nữ ☐; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☐

4. Quê quán: xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố: Xã Quang Khải, Huyện Tứ kì, Tỉnh Hải Dương

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): Số 33 ngách 157/31 Pháo Đài Láng, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bru điện): Phạm Văn Hải, Khoa Vật lí, Đại học Sư Phạm Hà Nội, 136 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại nhà riêng: ; Điện thoại di động: 0984026665;

E-mail: haipv@hnue.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ năm 2009 đến năm 2020: Giảng viên tại Khoa Vật lí, ĐH Sư Phạm Hà Nội

Chức vụ: Hiện nay: Giảng viên; Chức vụ cao nhất đã qua: Giảng viên

Cơ quan công tác hiện nay: Khoa Vật lí, ĐH Sư Phạm Hà Nội

Địa chỉ cơ quan: 136 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại cơ quan:

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ tháng ... năm ...

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): Không

có

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 23 tháng 06 năm 2003, ngành: Vật lí, chuyên ngành: Khoa học vật liệu

Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Đại học Khoa học Tự Nhiên- Đại học Quốc Gia Hà Nội, Việt Nam

- Được cấp bằng ThS ngày 28 tháng 03 năm 2008, ngành: Vật lí, chuyên ngành: Vật lí chất rắn

Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Đại học Sư Phạm Hà Nội, Việt Nam

- Được cấp bằng TS ngày 18 tháng 01 năm 2017, ngành: Vật lí, chuyên ngành: Vật lí

Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Đại học Bayreuth, CHLB Đức

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ... tháng ... năm ..., ngành: ...

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Vật lý

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Nghiên cứu cấu trúc cluster và cấu trúc tinh thể của hệ chất mềm (hệ colloid)

- Nghiên cứu tính chất cấu trúc, tính chất quang của vật liệu bán dẫn sử dụng phổ tán xạ Raman

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 0 NCS bảo vệ thành công luận án TS;

- Đã hướng dẫn (số lượng) 3 HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai);

- Đã hoàn thành 3 đề tài NCKH cấp Bộ; 2 đề tài NCKH cấp Cơ sở;

- Đã công bố (số lượng) 51 bài báo KH, trong đó 24 bài báo KH trên tạp chí quốc tế có uy tín;

- Đã được cấp (số lượng) 0 bằng sáng chế, giải pháp hữu ích;

- Số lượng sách đã xuất bản 0, trong đó 0 thuộc nhà xuất bản có uy tín;

- Số lượng 0 tác phẩm nghệ thuật, thành tích thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế.

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

TT	Tên khen thưởng	Cấp khen thưởng	Năm khen thưởng
Không có			

16. Kỷ luật (hành thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định):

TT	Tên kỷ luật	Cấp ra quyết định	Số quyết định	Thời hạn hiệu lực
Không có				

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo (tự đánh giá):

- Giảng dạy đảm bảo đủ và vượt số giờ quy định dành cho giảng viên tại cơ sở đào tạo theo quy định của Bộ Giáo Dục và Đào Tạo
- Tích cực tham gia các đề tài khoa học các cấp, hoàn thành nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và nhiệm vụ học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ
- Chấp hành nghiêm chỉnh đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước; thi hành nhiệm vụ, công vụ theo đúng quy định của pháp luật.

2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên *:

- Tổng số 10 năm.
- Khai cụ thể ít nhất 6 năm học, trong đó có 3 năm học cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ

(Căn cứ chế độ làm việc đối với giảng viên theo quy định hiện hành)

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/Số giờ quy đổi/Số giờ định mức
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2010-2011				1	225	90	315/330/280
2	2011 – 2012				2	210	90	300/330/280
3	2012 – 2013				1	255	90	345/360/280
3 năm học cuối								
4	2017 – 2018			1	3	238	60	298/483/270
5	2018 – 2019			2	3	240	60	300/515/270
6	2019 – 2020			1	4	336	60	396/721,72/270

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

3. Ngoại ngữ

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài ☒:

- Học ĐH ☐; Tại nước: ; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☒ hoặc TSKH ☐; Tại nước: CHLB Đức năm 2017

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước ☐:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng: ; năm cấp:

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài ☒:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Anh

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Trường Đại học Sư Phạm Hà Nội, Việt Nam

d) Đối tượng khác ☐; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bản, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn NCS, học viên CH, BSCK, BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Vũ Thị Mùi		X	X		12/2017 đến 12/2018	Trường Đại học Sư Phạm Hà Nội	12/12/2018
2	Nguyễn Thanh Vũ		X	X		12/2017 đến 12/2018	Trường Đại học Sư Phạm Hà Nội	12/12/2018

3	Nguyễn Thị Như Hải		X	X		12/2018 đến 12/2019	Trường Đại học Su Phạm Hà Nội	06/12/2019
---	--------------------	--	---	---	--	---------------------------	--	------------

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai số lượng NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
Không có							

Trong đó, số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản sau PGS/TS: 0

Lưu ý:

- Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS;
- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).

Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm) / Kết quả
Trước khi bảo vệ học vị tiến sĩ					

1	Sử dụng các phương pháp quang phổ để nghiên cứu một số vật liệu có chứa ion kim loại chuyển tiếp	TK	103.02-2010.04, cấp Bộ	01/12/2010 đến 01/12/2013	(15/4/2013)/Đạt
2	Chế tạo một số vật liệu bán dẫn, từ, bán dẫn bán từ bằng phương pháp hóa và sử dụng phổ tán xạ Raman để nghiên cứu một số tính chất vật lý của chúng	TK	B2009 17-188, cấp Bộ	25/03/2009 đến 25/03/2011	(01/06/2011)/Đạt
3	Chế tạo và nghiên cứu tính chất quang xúc tác của vật liệu nano TiO ₂ pha tạp V	CN	SPHN 11-11, cấp Cơ sở	29/03/2011 đến 29/06/2012	(02/07/2012)/Đạt
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ					
1	Nghiên cứu sự tập hợp của các hạt colloid dị thể, dị hướng tạo thành cấu trúc cluster và cấu trúc tinh thể: mô phỏng và thực nghiệm	CN	103.02-2017.328, cấp Bộ	01/08/2018 đến 01/08/2021	Đang thực hiện
2	Nghiên cứu cấu trúc cluster bậc hai tạo thành từ các hạt colloid	CN	SPHN 19-02 TT, cấp Cơ sở	16/11/2019 đến 12/05/2020	(12/5/2020)/Đạt

Lưu ý:

- Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS;

Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế)

7.1. Bài báo khoa học đã công bố

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
Trước khi bảo vệ học vị tiến sĩ								
1	Raman spectroscopy of Cu doping in Zn _{1-x} CoxO diluted magnetic semiconductor	6	Không	Journal of Raman spectroscopy	Q2 - ISI IF: 2.809	18	40 , 11, 1535- 1538	2009
2	The microwave- assisted synthesis and characterization of Zn _{1-x} CoxO nanopowders	6	Không	Materials letters	Q1 - ISI IF: 3.019	17	64 , 8, 962-965	2010
3	Microwave-assisted synthesis and characterization of Ti _{1-x} VxO ₂ (x = 0.0–0.10) nanopowders	6	Không	Materials letters	Q1 - ISI IF: 3.019	10	65 , 19, 3047- 3050	2011
4	Investigation of structural, optical and magnetic properties in PbTi _{1-x} FexO ₃ ceramics	5	Không	Ceramics International	Q1 - ISI IF: 3.45	8	37 , 8, 3785- 3788	2011

5	Crystal quality and optical property of MnWO ₄ nanoparticles synthesized by microwave-assisted method	6	Không	Journal of Physics and Chemistry of Solids	Q2 - ISI IF: 2.752	17	74 , 3, 426-430	2013
6	Assembly of open clusters of colloidal dumbbells via droplet evaporation	3	Có	Physical Review E	Q1 - ISI IF: 2.353		93 , 052609	2016
7	An improvement of orange photoluminescence in the cubic nanocrystals ZnS:Mn	5	Không	Tạp chí Khoa học và Công nghệ/ ISSN: 0866-708x	- ACI		50 , 1B, 390-397	2012
8	Electronic structure, elastic and optical properties of MnIn ₂ S ₄	2	Không	Journal of Science of HNUE			59 , 7, 135-143	2014
9	Ảnh hưởng của điều kiện công nghệ lên một số tính chất của vật liệu quang xúc tác CoWO ₄ chế tạo bằng phương pháp hóa có hỗ trợ vi sóng	5	Không	Journal of Science of HNUE			59 , 1A, 51-57	2014
10	Quang xúc tác phân hủy xanh methylen của vật liệu nano CuWO ₄	5	Không	Journal of Science of HNUE			59 , 1A, 135-143	2014
11	Possible origins of ferromagnetism in Co-doped ZnO thin films	5	Có	Advances in Optics; Photonics, Spectroscopy and Applications			, 486-490	2008

12	Effect of thermal treated environment on some properties of cobalt-doped zinc oxide fabricated by sol-gel	6	Có	Advances in Optics; Photonics, Spectroscopy and Applications			, 331-335	2008
13	SrTi _{1-x} Fe _x O ₃ nanoparticle: A study of structural, absorption, impedance and magnetic characterization	3	Không	Proceedings of IWNA			, 348-351	2009
14	A novel route for obtaining TiO ₂ :N nanopowder	3	Không	Proceedings of IWNAP			, 352-354	2009
15	Preparation and characterization of cobalt doped TiO ₂	4	Có	Hội nghị Vật lý chất rắn và Khoa học vật liệu toàn quốc lần thứ 6			, 149-152	2009
16	Characterization of Co doped SnO ₂ film grown by sol-gel spin coating technique	5	Có	Hội nghị Vật lý chất rắn và Khoa học vật liệu toàn quốc lần thứ 6			, 153-156	2009
17	Nghiên cứu cấu trúc điện tử và tính chất quang của họ vật liệu AWO ₄ (A=Fe, Mn, Ni, Cu)	4	Có	Những tiến bộ trong quang học, quang phổ và ứng dụng VII /ISSN: 1859-4271			, 317-321	2012

18	Ảnh hưởng của điều kiện chế tạo lên cấu trúc và tính chất của vật liệu nano NiWO ₄	5	Không	Những tiến bộ trong quang học, quang phổ và ứng dụng VII /ISSN: 1859-4271			, 660-665	2012
19	Chế tạo và nghiên cứu các đặc trưng của vật liệu MnWO ₄ trên nền SBA-15 bằng phương pháp hóa có hỗ trợ của vi sóng	4	Không	Những tiến bộ trong quang học, quang phổ và ứng dụng VII /ISSN: 1859-4271			, 322-327	2012
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ								
20	Assembly of One-Patch Colloids into Clusters via Emulsion Droplet Evaporation	3	Có	Materials /ISSN: 1996-1944	Q2 - ISI IF: 2.972	1	10 , 4, 361	2017
21	Template-assisted assembly of asymmetric colloidal dumbbells into desirable cluster structures	3	Có	Colloid and Polymer Science	Q2 - ISI IF: 1.906	1	296 , 1387	2018
22	Evaporation-induced assembly of colloidal clusters into superclusters with nonconvex deltahedral geometry	5	Có	AIP Advances	Q2 - ISI IF: 1.549		8, 125116	2018
23	Controlled Defect Based Ultra Broadband Full-sized Metamaterial Absorber	8	Không	Scientific Reports	Q1 - ISI IF: 4.011	6	8, 9523	2018

24	Temperature-dependent preparation of bismuth pyrostannate Bi ₂ Sn ₂ O ₇ and its photocatalytic characterization	8	Có	Materials Chemistry and Physics	Q2 - ISI IF: 2.781	4	221 , 1, 197-202	2019
25	Effect of Sb substitution on structural and magnetic properties of MnBi based alloys	3	Không	Physica B: Condensed Matter	Q2 - ISI IF: 1.874	3	552 , 1, 190-194	2019
26	Creating Multiband and Broadband Metamaterial Absorber by Multiporous Square Layer Structure	6	Không	Plasmonics	Q2 - ISI IF: 2.926	4	14 , 1587–1592	2019
27	Synthesis and Vertical Self-Assembly of Gold Nanorods for Surface Enhanced Raman Scattering	5	Có	Journal of electronic materials	Q2 - ISI IF: 1.676	4	48 , 48, 4970–4976	2019
28	Insights into the Electrochemical Polymerization of [Mo ₃ S ₁₃] ²⁻ Generating Amorphous Molybdenum Sulfide	7	Không	Chemistry A European Journal	Q1 - ISI IF: 5.16	3	25 , 13676	2019
29	Detection of Permethrin pesticide using silver nano-dendrites SERS on optical fibre fabricated by laser-assisted photochemical method	8	Không	Scientific Reports	Q1 - ISI IF: 4.011	3	9, 12590	2019

30	Investigation of the Factors Influencing the Surface-Enhanced Raman Scattering Activity of Silver Nanoparticles	3	Có	Journal of electronic materials	Q2 - ISI IF: 1.676		49 , 1864–1871	2019
31	Fabrication of Silver Nano-Dendrites on Optical Fibre Core by Laser-Induced Method for Surface-Enhanced Raman Scattering Applications	7	Không	Journal of Nanoscience and Nanotechnology	Q3 - ISI IF: 1.093		20 , 3, 1928- 1935	2020
32	Photocatalytic activity enhancement of Bi ₂ WO ₆ nanoparticles by Ag doping and Ag nanoparticles modification	6	Không	Journal of Alloys and Compounds	Q1 - ISI IF: 4.175		824 , 153914	2020
33	Broadband microwave coding metamaterial absorbers	10	Có	Scientific Reports	Q1 - ISI IF: 4.011		10 , 1810	2020
34	Gold nanorod/ molybdenum sulfide core/ shell nanostructure synthesized by a photo-induced reduction process	8	Không	Nanotechnology	Q1 - ISI IF: 3.399		31 , 26, 265602	2020

35	Effects of Lanthanum/Gadolinium Doping on Crystal Structures, Electronic Properties and Optical Characteristics of Bismuth tungstate Photocatalyst: DFT approach	2	Có	Journal of the Physical Society of Japan	Q2 - ISI IF: 1.57		89 , 4, 044707	2020
36	Two-Dimensional Clusters of Colloidal Particles Induced by Emulsion Droplet Evaporation	5	Có	Nanomaterials / ISSN: 2079-4991	Q1 - ISI IF: 4.034	1	10 , 1, 156	2020
37	Crystal structures in binary hard-sphere colloid-droplet mixtures with patchy cross interactions	3	Có	Physical Review E	Q1 - ISI IF: 2.353		101 , 012608	2020
38	First-principles investigation of structural and electronic properties of pure bismuth tungstate	6	Không	HNUE Journal of Science			63 , 11, 71	2018
39	Simulation of metal via wall based ultra broadband terahertz full-sized metamaterial absorber	5	Không	HNUE Journal of Science			63 , 11, 65	2018
40	Self-assembly of hard-sphere droplet-colloid mixture into quasicrystal	3	Có	HNUE Journal of ScienceH			63 , 11, 18	2018

41	Phase diagram of colloidal systems: A comparison of Standard Monte Carlo simulations and virtual move Monte Carlo simulations	1	Có	HNUE Journal of Science			63 , 6, 84	2018
42	Raman Spectroscopy of GaN/Al _x Ga _{1-x} N/AlN/Si structures	3	Có	HNUE Journal of Science			64 , 10, 86	2018
43	Density Functional Theory calculations for formation energies and structural characteristics of La or Gd doped Bi ₂ WO ₆ systems	6	Không	HNUE Journal of Science			64 , 6, 102	2019
44	A structural characterization of MoO ₃ material prepared using three different methods	2	Có	HNUE Journal of Science			64 , 6, 93	2019
45	Ảnh hưởng của sự pha tạp Fe lên khả năng quang xúc tác của vật liệu Bi ₂ WO ₆ chế tạo bằng phương pháp thủy nhiệt.	4	Không	HNUE Journal of Science			64 , 3, 45	2019
46	Tối ưu hoạt tính tăng cường tín hiệu phổ tán xạ raman của nano vàng	3	Không	Tạp chí hóa học / ISSN: 0866-7144			57 , 138	2019

47	Nghiên cứu tổng hợp nano bạc và đánh giá ảnh hưởng của kích thước hạt tới phổ tán xạ Raman tăng cường bề mặt của xanh methylene	6	Không	Tạp chí Khoa học và Công nghệ /ISSN: 2354-1083			137 , 074	2019
48	Cấu trúc cluster tập hợp từ các hạt colloid dạng ellipsoid	2	Có	HNUE Journal of Science			63 , 5, 54	2020
49	Effect of Sm and Mn codoping on the crystal structure and magnetic properties of BiFeO ₃ polycrystalline ceramics	5	Không	Communications in Physics			, Accepted	2020
50	Nghiên cứu vật liệu meta hấp thụ hoàn toàn sóng điện từ thang GHz theo cơ chế tối ưu khuyết mạng dạng cột	6	Không	Hội nghị Vật lý Chất rắn và Khoa học Vật liệu Toàn quốc / ISBN: 978-604-98-7505-2			, 246	2019
51	Effect of (Ho, Co) co-doping on crystal structure, magnetic and electrical properties of BiFeO ₃ materials	7	Không	Hội nghị Vật lý Chất rắn và Khoa học Vật liệu Toàn quốc / ISBN: 978-604-98-7505-2			, 269	2019

- Trong đó, số lượng bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: 10

Lưu ý: Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS. 7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
Không có					

- Trong đó, các số TT của bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS:

7.3. Giải thưởng quốc gia, quốc tế:

TT	Tên giải thưởng	Cơ quan/tổ chức ra quyết định	Số quyết định và ngày, tháng, năm	Số tác giả
Không có				

- Trong đó, các số TT giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS:

7.4. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Cấp quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
Không có					

- Trong đó, tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ	Vai trò	Cơ sở giáo dục đại học
Không có			

9. Các tiêu chuẩn còn thiếu so với quy định cần được thay thế bằng bài báo khoa học quốc tế uy tín*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm: thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm: thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ: thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ: thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì không đủ 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

(*) Các công trình khoa học thay thế không được tính vào tổng điểm.

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

TP Hà Nội, ngày 29 tháng 06 năm 2020

Người đăng ký
(Ký và ghi rõ họ tên)